

Số: 77/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 212, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 609, Điều 612, Điều 620, Điều 624, Điều 630, Điều 634, Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 07 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm số 770/2026/TLST-DS về vụ việc: “Tranh chấp chia thừa kế” ngày 07 tháng 07 năm 2026

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **BÀ NGUYỄN THỊ M;** sinh năm 1951; CCCD số: 040151000172. Nhân khẩu thường trú: Phòng 10, F7, TT CSSV, phường K Đ, Thành phố H.

- **Bị đơn: Ông THÁI HOÀNG L;** sinh năm 1980, CCCD số: 001080051046.
Nhân khẩu thường trú: Tổ 23, phường V M1 - Q T G, Thành phố H.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Thái Hồng A; sinh năm 1978; CCCD: 001078028765. Nhân khẩu thường trú: Phòng 10, F7, TT CSSV, phường K Đ, Thành phố H.

2. Cháu Thái Hoàng M2; sinh năm 2005, CCCD số: 001305021339. Nhân khẩu thường trú: Tổ 23, phường V M1 - Q T G, Thành phố H.

3. Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư UBND phường K Đ; Ủy ban nhân dân phường K Đ, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sỹ Đ, Chủ tịch UBND phường K Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Đình L, Phó chủ tịch UBND phường K Đ.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông Thái Hồng L1 và bà Nguyễn Thị M kết hôn hợp pháp ngày 22/8/1977. Trong thời kỳ hôn nhân, ông L1 và bà M được bố trí sử dụng nhà, đất tại địa chỉ Phòng 10, nhà F7, ngách 41/14 đường K Đ, phường T Đ, quận T1 X, thành phố H, nay là số 10, ngách 41/14 đường K Đ, phường K Đ, thành phố H. Quyền và lợi ích hợp pháp phát sinh từ quá trình sử dụng nhà, đất nêu trên là tài sản chung của ông Thái Hồng L1 và bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M và ông Thái Hồng L1 mỗi người có một phần hai quyền, lợi ích trong khối tài sản chung này.

2. Ông Thái Hồng L1 chết năm 2022. Phần quyền, lợi ích của ông L1 trong khối tài sản chung với bà Nguyễn Thị M là di sản thừa kế của ông L1.

Do nhà, đất đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 2,5 đoạn từ N T1 (Quốc lộ 6) đến Đàm H1, quyền và lợi ích hợp pháp của ông L1 đối với nhà, đất được chuyển hóa thành phần quyền tài sản tương ứng trong khoản tiền bồi thường, hỗ trợ và quyền mua nhà tái định cư theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của UBND phường K Đ và phương án chi tiết kèm theo.

3. Các đương sự thống nhất xác định di chúc viết tay do ông Thái Hồng L1 lập ngày 25 tháng 12 năm 2021 có hai người làm chứng là bà Nguyễn Thị T2 và bà Nguyễn Thị H2 là di chúc hợp pháp. Theo nội dung di chúc, toàn bộ phần di sản thuộc quyền của ông Thái Hồng L1 được để lại cho chị Thái Hoàng M2.

4. Bà Nguyễn Thị M xác nhận tự nguyện tôn trọng nội dung di chúc của ông Thái Hồng L1, không yêu cầu được hưởng phần di sản không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo Điều 644 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Thái Hồng A và ông Thái Hoàng L xác nhận không yêu cầu chia di sản của ông Thái Hồng L1 theo pháp luật, không tranh chấp về hiệu lực của di chúc và thống nhất để chị Thái Hoàng M2 được hưởng toàn bộ phần di sản của ông L1 theo di chúc.

5. Bà Nguyễn Thị M tự nguyện giao cho chị Thái Hoàng M2 toàn bộ phần quyền tài sản thuộc sở hữu của bà M phát sinh từ việc Nhà nước thu hồi nhà, đất nêu trên, bao gồm phần quyền trong khoản tiền bồi thường, hỗ trợ và quyền mua nhà tái định cư theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 20/5/2026.

Chị Thái Hoàng M2 đồng ý nhận toàn bộ phần quyền tài sản do bà Nguyễn Thị M giao và toàn bộ phần di sản được hưởng theo di chúc của ông Thái Hồng L1.

6. Theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 20/5/2026 của UBND phường K Đ và phương án chi tiết kèm theo:

- Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ: 246.856.709 đồng;
- Số tiền bồi thường, hỗ trợ người sử dụng đất được nhận: 95.397.261 đồng;
- Được mua 01 căn hộ tái định cư số 1505, căn thường, hướng Tây Bắc, tại nhà CTI.2, đơn nguyên B, Vĩnh H1, diện tích sử dụng 64,71m²;
- Tổng giá bán căn hộ tái định cư: 1.796.084.289 đồng;
- Số tiền chủ đầu tư thay mặt người sử dụng đất nộp để mua căn hộ: 151.459.448 đồng;
- Số tiền còn phải nộp để mua căn hộ: 1.644.624.841 đồng.

7. Chị Thái Hoàng M2 được hưởng toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ 95.397.261 đồng và toàn bộ quyền mua căn hộ tái định cư số 1505 nêu trên; được trực tiếp liên hệ với UBND phường K Đ, chủ đầu tư và các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện thủ tục nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, ký hợp đồng mua bán căn hộ, nhận bàn giao căn hộ và thực hiện các thủ tục đăng ký quyền sở hữu theo quy định.

Chị Thái Hoàng M2 có trách nhiệm thanh toán số tiền còn phải nộp để mua căn hộ là 1.644.624.841 đồng và tự chịu các khoản thuế, phí, lệ phí cùng các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ việc mua, nhận và đăng ký quyền sở hữu căn hộ theo quy định của pháp luật.

8. Bà Nguyễn Thị M, ông Thái Hồng A và ông Thái Hoàng L không còn quyền, nghĩa vụ tài sản đối với khoản tiền bồi thường, hỗ trợ và quyền mua căn hộ tái định cư sau khi toàn bộ quyền tài sản này được giao cho chị Thái Hoàng M2, trừ nghĩa vụ phát sinh trước thời điểm thỏa thuận mà các bên chưa kê khai hoặc nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định pháp luật.

9. Việc thỏa thuận phân chia quyền tài sản giữa các thành viên gia đình không làm thay đổi nội dung, giá trị bồi thường, hỗ trợ, giá bán căn hộ, diện tích, vị trí căn hộ và các điều kiện khác được xác định tại Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 20/5/2026. Việc thực hiện các thủ tục hành chính được tiến hành theo quyết định, phương án đã phê duyệt và quy định của pháp luật.

10. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí hòa giải thành của tổng giá trị quyền tài sản 246.856.709 đồng là 6.171.418 đồng (*bằng chữ: Sáu triệu một trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm mười tám đồng*).

Bà Nguyễn Thị M thuộc đối tượng người cao tuổi nên căn cứ Khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà M được miễn án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP H;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – H;
- THA dân sự thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán

Phạm Thị Thanh Phương

